TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38**/2022/DS-ST
Ngày: 01 - 8 - 2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thật

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoàng Vũ

Ông Trần Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 7 và ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 173/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2022/QĐST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 18/2022/ QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Võ Tấn T**, sinh năm: 1977; nơi cư trú: thôn TM, xã NQ, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm: 1973; nơi cư trú: thôn TM, xã NQ, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1976; nơi cư trú: thôn TM, xã NQ, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện hợp pháp của bà H:* Ông Võ Tấn T, sinh năm: 1977; nơi cư trú: thôn TM, xã NQ, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. (Văn bản ủy quyền ngày 17/12/2021). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn cũng là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H là ông Võ Tấn T trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2017, bà Nguyễn Thị H1 nhiều lần mượn tiền của vợ chồng ông Võ Tấn T và Nguyễn Thị H để chi tiêu và đấu thầu ruộng làm lúa, cuối vụ bán lúa lại cho ông T, bà H. Ngày 12/10/2017, các bên xác nhận lại số tiền nợ 116.595.000đ, bà H viết nội dung vào sổ ghi nợ và bà H1 ký xác nhận. Từ đó về sau, bà H1 không trả tiền, cố tình lẫn tránh. Ngày 24/6/2021, ông T, bà H có gửi thông báo yêu cầu bà H1 trả số tiền nợ nên nhưng bà H1 không thực hiện. Vì hiện nay, bà H1 có hoàn cảnh khó khăn nên ông T cho bà H1 20.000.000đ và yêu cầu bà H1 phải trả một lần số tiền còn lại 96.595.000đ, không yêu cầu trả lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2017, bà H1 có nhiều lần mượn tiền của bà Nguyễn Thị H để đấu thầu ruộng với số tiền khoảng 40.000.000đ. Bà H1 đã trả 20.000.000đ và chỉ còn thiếu 20.000.000đ. Bà H1 xác định không ký xác nhận số tiền nợ 116.595.000đ trong giấy mượn tiền ngày 12/10/2017. Nay ông T khởi kiện yêu cầu trả số tiền 96.595.000đ, bà H1 không đồng ý trả một lần và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết hàng tháng. Bà H1 có yêu cầu giám định chữ ký trong giấy mượn tiền nhưng không nộp chi phí giám định theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Võ Tấn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, buộc bà Nguyễn Thị H phải trả 96.595.000đ cho ông T, bà H. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Võ Tấn T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả tiền mượn còn thiếu 116.595.000đ. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Từ năm 2014 đến năm 2017, bà Nguyễn Thị H1 nhiều lần mượn tiền của bà Nguyễn Thị H. Ngày 12/10/2017, hai bên lập giấy mượn tiền xác nhận số tiền nợ; nội dung, hình thức giấy mượn tiền giữa các bên xác lập cơ bản phù hợp với quy định tại Điều 398 của Bộ luật dân sự 2015, nên Hội đồng xét xử

xác định giấy mượn tiền này bản chất là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Ông Võ Tấn T, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H1 xác nhận trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2017, bà H1 có nhiều lần mượn tiền của bà Nguyễn Thị H, việc mượn tiền, trả tiền được bà H ghi và bà H1 ký xác nhận. Giấy mượn tiền lập ngày 12/10/2017 xác định bà H1 mượn ông T, bà H số tiền 116.595.000đ có chữ ký xác nhận của bà H1. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định bà H1 mượn tiền của ông T, bà H và còn thiếu số tiền 116.595.000đ là có thật; tại phiên tòa, ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.000.000đ là đúng quy định nên cần ghi nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T. Bà H1 không trả tiền nợ cho ông T, bà H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, ông T, bà H yêu cầu bà H1 phải trả một lần số tiền nợ 96.595.000đ, không yêu cầu trả lãi là có căn cứ và đúng quy định pháp phát luật.

[4] Bà Nguyễn Thị H1 xác định chỉ mượn ông Võ Tấn T, bà Nguyễn Thị H số tiền 40.000.000đ, đã trả 20.000.000đ nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh ý kiến của mình và ông T, bà H không thừa nhận việc này. Bà Nguyễn Thị H1 xác định chữ ký trong Giấy mượn tiền ngày 12/10/2017 không phải chữ ký của bà H1 và đề nghị Tòa án tiến hành thủ tục giám định chữ ký của bà H1. Tuy nhiên, bà H1 không thực hiện nộp chi phí tố tụng để giám định chữ ký nên không có cơ sở xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thị H1 về vấn đề nêu trên.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Võ Tấn T, bà Nguyễn Thị H, buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho ông T, bà H số tiền 96.595.000đ và bị đơn phải chịu án phí theo quy định là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: ông Võ Tấn T phải chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H1 có đơn xin giảm tiền án phí vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn do ảnh hưởng dịch Covid-19 (xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Ninh Quang) nên bà H1 thuộc trường hợp được giảm án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Tấn T:* Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả một lần cho ông Võ Tấn T, bà Nguyễn Thị H số tiền 96.595.000đ *(chín mươi sáu triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng).*

Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn T đối với số tiền 20.000.000đ.

3. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị H1 phải nộp 2.414.875đ *(hai triệu bốn trăm mười bốn nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Võ Tấn T 2.914.875 *(hai triệu chín trăm mười bốn nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004249 ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

4. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

** Quy định chung:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hánh án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Thật

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**